

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **296/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/6/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Dũng

Bà Phan Thị Quý

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 875/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: Nguyễn Châu T, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã KS, huyện CT, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Châu T chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2015 thì có mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2015, đến nay cũng không hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Châu T.

-Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 29/6/1993 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/9/2000, hiện con đã trưởng thành.

-Về tài sản chung: Không có.

-Về nợ chung: Không có

Bà Nguyễn Châu T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn như đã trình bày. Bà T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Châu T được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Châu T chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/1997 tại UBND xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 quyển số 01/97, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Theo ông H trình bày tại phiên tòa thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì có mâu thuẫn do bà T có quan hệ với người đàn ông khác, sau đó thì không về nhà sống chung với gia đình nữa. Nay ông không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, ông H xin ly hôn với bà T nhưng bà T không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông H dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn cương quyết xin được ly hôn, bà T không đến Tòa án và vắng mặt không lý do điều này thể hiện bà T không có ý chí mong muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn mà để mặc cho ông H quyết định.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng hiện giữa ông H và bà T không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nay ông H xin ly hôn với bà T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: ông H và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 29/6/1993 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/9/2000, hiện con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản*: Ông H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Ông H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Châu T.

2. Về án phí: Ông H chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 01688 ngày 24/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh